TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 05 - 2025
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lưu Quốc Chinh**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hồng**
Bà **Bùi Thị Kim Dung**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 05 năm 2025, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Ea Súp mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 06/2025/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh N** – SN 1999
Địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).
Bị đơn: Anh **Phạm Đình C** – SN 1997
Địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thanh N với anh Phạm Đình C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018. Nhưng đến ngày 08/5/2023 mới đăng ký kết hôn tại Uy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng về sau, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân là do sự bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị nhận thấy các mâu thuẫn không thể giải quyết được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nếu còn tiếp tục chung sông sẽ chỉ gây thêm khổ đau cho nhau. Vì vậy, chị N yêu cầu Tòa án nhân

dân huyện Ea Súp giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Đình C.

Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh C không có con nuôi, con riêng. Chị và anh C chỉ có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Ngọc T – SN: 01/11/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp muôi dưỡng cháu T cho đên khi cháu đủ 18 tuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh Phạm Đình C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phạm Đình C, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã E, nhà anh Phạm Đình C và tại Tòa án nhân dân huyện Ea Súp tuy nhiên anh C đều vắng mặt tại Tòa án không có lý do. Do vậy anh C không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

Tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 24 tháng 03 năm 2025 nguyên đơn đã được tiếp cận, công khai chứng cứ, thống nhất với chứng cứ đã được công khai và không thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện hay nộp chứng cứ gì mới, không yêu cầu triệu tập đương sự khác đến tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, nguyên đơn chị N giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không có ý kiến tranh luận gì, Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 175, 176, 197, 198, 204, và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khu thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh N, xử cho chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn anh Phạm Đình C; Về con chung giao cháu Phạm Nguyễn Ngọc T – SN: 01/11/2018 cho chị Nguyễn Thị Thanh N nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Phạm Đình C không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản, công nợ chị N và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; Về án phí chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Đình C có nơi cư trú tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục: Đối với bị đơn anh Phạm Đình C, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông qua Ủy ban nhân dân xã E, niêm yết thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại UBND xã E, tại nhà anh Phạm Đình C và tại Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tuy nhiên anh C đều không hợp tác, không có mặt tại Tòa án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh N vời anh Phạm Đình C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/5/2023 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Phạm Đình C là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị N và anh C nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị tính tình không hợp, do sự bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Trên cơ sở xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N anh C tại địa phương thấy rằng hiện nay anh chị không còn sống chung mà đã ly thân được một thời gian. Nhận thấy tình cảm của chị N và anh C không còn, mẫu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với anh Phạm Đình C.

[4] Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy chị Ngân và anh C không có con nuôi, con riêng, anh chị chỉ có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Ngọc T – SN: 01/11/2018. Nay chị N có nguyện vọng nuôi con, xét yêu cầu nuôi con của chị N, nhận thấy hiện nay chị N đang nuôi con chung đảm bảo được điều kiện chăm sóc con cái. Đối với anh Phạm Đình C thường xuyên vắng nhà, anh C không đến Toà án do đó Toà án không thể lấy được lời khai của anh C nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giao con cho anh C nuôi dưỡng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N, giao con chung cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: Chị Nguyễn Thị Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức

thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 235, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh N, xử cho chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với anh Phạm Đình C.

Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Ngọc T – SN: 01/11/2018 cho chị Nguyễn Thị Thanh N nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Thanh N không được quyền ngăn cản anh Phạm Đình C đến thăm nom, chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Đình C không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N và anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Phạm Đình C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0003724 ngày 11/11/2024.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lưu Quốc Chinh